

Bản án số: 43/2021/DS-ST

Ngày: 25-10-2021

V/v “*Tranh chấp*

Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Giáp H Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2021/QĐXXST-DS ngày 24/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-DS ngày 15/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/QĐST-DS ngày 29/7/2021; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 49/2021/TB-TA ngày 13/8/2021; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 52/2021/TB-TA ngày 27/8/2021; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 58/2021/TB-TA ngày 09/9/2021; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 64/2021/TB-TA ngày 27/9/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tiến Trại, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố C Thịnh, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Ngọc H:**

+ Anh Hoàng Mạnh C (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 29, Lô 5, khu đô thị Xuân PH Residence, đường Trịnh Văn Bô, phường Xuân PH, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Tầng 7, số 26A1, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Ngọc H:**
Luật sư Đặng Văn T- Công ty luật TNHH T Minh- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, địa chỉ: Tầng 7, số 26A1, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Đinh Thị H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố C Thịnh, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tiến Trại, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Đỗ Thị Diệu H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tiến Phan 1, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/11/2019 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Chị với anh Nguyễn Ngọc H và chị Đinh Thị H không có mối quan hệ gì, chỉ có quen biết nhau. Ngày 30/9/2019 dương lịch vợ cH chị có cho vợ cH anh H, chị H ở thôn C Thịnh (nay là tổ dân phố C Thịnh), xã Nhã Nam (nay là thị trấn Nhã Nam), huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang vay số tiền là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận miệng lãi suất không ghi vào giấy biên nhận vay tiền. Trong giấy biên nhận vay tiền có ghi là hạn trả là ngày 02/10/2019. Số tiền 200.000.000 đồng chị trực tiếp giao cho anh H nhận bằng hình thức giao tiền mặt tại gia đình nhà chị, chị H vợ anh H có biết việc này. Anh H là người viết và ký vào giấy biên nhận vay tiền. Chị khẳng định toàn bộ chữ viết và chữ ký H và Nguyễn Ngọc H trong giấy biên nhận vay tiền ngày 30/9/2019 là chữ viết và chữ ký của anh H. Từ khi vợ cH anh H vay vợ cH chị số tiền trên, đến ngày hạn trả nhưng vợ cH anh H không trả tiền cho chị, vợ cH chị đã đòi rất nhiều lần nhưng vợ cH anh H vẫn không trả cho chị được đồng tiền gốc và lãi nào. Khi lập giấy biên nhận vay tiền ngày 30/9/2019 chỉ có vợ cH chị và anh H, ngoài ra không có ai khác. Khi anh H vay số tiền trên có nói với chị là mục đích để kinh doanh ô tô để phát triển kinh tế gia đình, chị cho vợ cH anh H vay số tiền trên thì khi cho vay cH chị biết việc này, việc vay của anh H số tiền trên thì chị H là vợ anh H cũng biết việc vay tiền. Chị xác định khoản vay nợ trên là nợ chung của vợ cH anh H, chị H. Số tiền 200.000.000 đồng cho vay là số tiền chung của vợ cH chị. Nay chị yêu cầu vợ cH anh H, chị H trả vợ cH chị số tiền đã vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền 30/9/2019. Chị yêu cầu vợ cH anh H, chị H trả cho vợ cH chị tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 02/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H có mặt trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng anh H, chị H có trách nhiệm trả nợ chồng chị số nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi chị thay đổi yêu cầu chồng trả từ ngày 06/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/10/2021 theo lãi suất là 10%/năm. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

** Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Ngọc H là anh Nguyễn Huy T tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai trình bày:*

Quá trình diễn biến vay nợ giữa anh H với chị H thì theo kết luận giám định của Công an tỉnh Bắc Giang thì giấy biên nhận hợp đồng vay tiền có nội dung thời hạn trả nợ do chị Trần Thị H viết ra, bị đơn nhận thấy có hành vi giả mạo chứng cứ nhằm chiếm đoạt lãi suất theo đơn khởi kiện bổ sung của chị Trần Thị H. Bị đơn đã đề nghị Tòa án chuyển tài liệu chứng cứ cho cơ quan điều tra xem xét về hành vi này. Tại giao dịch vay tiền giữa anh H và chị Trần Thị H không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên theo quy định của Điều 469 của Bộ luật dân sự thì chị Trần Thị H phải thông báo cho anh H một thời gian hợp lý trước khi đòi tiền. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay thì chị Trần Thị H không có bất kỳ văn bản thông báo nào về việc yêu cầu anh H trả nợ. Do đó, chị H chưa đủ điều kiện để khởi kiện theo quy định của Bộ luật dân sự đề nghị Tòa án trả lại đơn cho chị H.

Theo anh về giấy biên nhận hợp đồng vay tài sản ngày 30/9/2019 và về số tiền vay nợ 200.000.000 đồng giữa anh H và chị H, hiện tại anh chưa có ý kiến gì, anh sẽ có ý kiến khi có kết luận cơ quan điều tra về hành vi giả mạo chứng cứ của chị H. Chữ ký “H, Nguyễn Ngọc H” trong mục “Người vay ký” của giấy biên nhận hợp đồng vay tài sản đề ngày 30/9/2019 theo giám định của Công an tỉnh Bắc Giang là chữ ký, chữ viết của anh H.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Huy T có mặt trình bày: Tại phiên tòa anh vẫn không có ý kiến gì về việc vay trả nợ của nguyên đơn chị H, anh khẳng định chữ ký “H, Nguyễn Ngọc H” trong mục “Người vay ký” của giấy biên nhận hợp đồng vay tài sản đề ngày 30/9/2019 là chữ ký, chữ viết của anh H.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào ngày 30/9/2019 vợ chồng anh có cho anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982, ở thôn C Thịnh, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang vay số tiền 200.000.000 đồng, anh H có hẹn đến ngày 02/10/2019 trả lại số tiền trên. Vợ chồng anh đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H vẫn không trả nợ chồng anh số tiền này. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H, chị Đinh Thị H phải trả cho vợ chồng anh số tiền gốc đã vay theo giấy biên nhận vay tiền ngày 30/9/2019 và tiền lãi kể từ ngày 02/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, anh xác định số tiền 200.000.000 đồng cho vợ chồng anh H vay là số tiền chung của vợ chồng anh. Ngoài ra, anh không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với anh Nguyễn Ngọc H, anh Hoàng Mạnh C, chị Đinh Thị H, chị Đỗ Thị Diệu H: Tòa án đã tiến hành giao, gửi các văn bản tố tụng cho anh H, anh C, chị H, chị H nhưng tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu,

chứng cứ, bị đơn là anh H; Người đại diện theo ủy quyền của anh H là anh C, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H, chị H đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc khởi kiện của chị Trần Thị H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Ngọc H, anh Hoàng Mạnh C, chị Đinh Thị H, chị Đỗ Thị Diệu H vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị H chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn anh H; Người đại diện theo ủy quyền của anh H là anh C, anh T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị H, chị H không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 463, khoản 4 điều 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, buộc anh Nguyễn Ngọc H và chị Đinh Thị H trả cho chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn T số tiền là 237.720.707 đồng (tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 37.720.707 đồng).

Về tiền chi phí giám định, về án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Ngọc H, do bị đơn anh H có nơi cư trú: Tổ dân phố C Thịnh, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H; Người đại diện theo ủy quyền của anh H là anh Hoàng Mạnh C; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H là Luật sư Đặng Văn T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị H, chị Đỗ Thị Diệu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, đ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

- Trước khi mở phiên tòa, Tòa án có nhận được đơn xin hoãn phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh H là Luật sư Đặng Văn T với lý do đi công tác Bình Thuận từ ngày 18/10/2021 và có mặt tại Hà

Nội ngày 21/10/2021 có gửi kèm theo thẻ lên tàu hỏa ngày 17/10/2021 pH cách ly 07 ngày theo quy định.

- Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để làm rõ dấu hiệu của hành vi giả mạo chứng cứ nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản là khoản tiền lãi suất theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị H. Từ ngày 10/10/2021 anh có mặt tại thôn Chi Hồ, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh theo văn bản số 3886/SYT-NVY về việc rà soát, áp dụng biện pháp phòng chống dịch đối với người đến về Bắc Giang anh sẽ bị cách ly tập trung 14 ngày nên anh không thể tham gia phiên tòa ngày 25/10/2021.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nội dung anh T đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra xem xét về hành vi của chị Trần Thị H về lãi suất thì thấy: Ngày 14/9/2020 Tòa án đã nhận được kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang về chữ viết thêm ngày hẹn trả là 02/10/2019 trong giấy biên nhận hợp đồng vay tài sản đề ngày 30/9/2019 là chữ viết của chị Trần Thị H, bản T nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án chị H thừa nhận đó là chữ viết của chị do các bên thỏa thuận để chị ghi. Quá trình giải quyết vụ án anh có đơn đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để làm rõ hành vi này của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy việc viết thêm thời hạn trả trong giấy biên nhận hợp đồng vay tài sản đề ngày 30/9/2019 của chị H là liên quan đến thời hạn trả lãi của đương sự, thực tế tại phiên tòa chị H khẳng định chưa nhận được một khoản tiền lãi nào từ anh H, anh T có mặt cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc anh H đã pH trả khoản tiền lãi nào cho chị H. Việc vay nợ số tiền 200.000.000 đồng thì bị đơn, người đại diện theo ủy quyền bị đơn không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét yêu cầu lãi của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung anh T trình bày có mặt tại thôn Chi Hồ, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh thì thấy: Ngày 16/3/2021 Tòa án có nhận được đơn đề nghị của anh về thay đổi địa chỉ nhận văn bản tố tụng là Tầng 7, số 26A1, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vụ án này Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh là người nhiều lần có đơn đề nghị hoãn phiên tòa với lý do anh đang ở Hà Nội vùng dịch covid không thể về tham gia phiên tòa xét xử được. Tòa án đã nhiều lần ra Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa, đến nay Hà Nội hết dịch anh lại lấy lý do anh ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh không thể về tham gia phiên tòa được. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm xét xử vụ án Hà Nội và Bắc Ninh không pH là địa pH áp dụng theo chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ về phòng chống dịch covid, tại phiên tòa anh T đã có mặt, luật sư T trình bày lý do pH cách ly theo quy định nhưng kèm theo đơn xin hoãn phiên tòa cũng không cung cấp được văn bản thể hiện bản T anh bị cách ly theo quy định. Do đó, lý do xin hoãn phiên tòa của anh T, luật sư T là không có căn cứ để chấp nhận, có dấu hiệu gây khó khăn kéo dài trong việc giải quyết, xét xử vụ án của Tòa án. Mặt khác, Tòa

án đã giao, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T, luật sư T và bị đơn anh H. Nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người trên là đảm bảo theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H, chị Đinh Thị H pH có trách nhiệm trả nợ cH chị số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi pH trả từ ngày 06/12/2019 theo lãi suất là 10%/năm đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/10/2021 được xác định là quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền pH trả:

Theo lời khai của nguyên đơn chị H tại phiên tòa chị xác định anh Nguyễn Ngọc H có vay của chị số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/9/2019 (dương lịch). Hẹn đến ngày 2/10/2019 (dương lịch) sẽ trả cả gốc và lãi. Giấy vay tiền có chữ ký của cả chị và anh H. Đến nay, anh H chưa thanh toán cho chị được đồng nào, chị đã đòi rất nhiều lần. Nay chị yêu cầu anh H, chị Đinh Thị H pH trả cho vợ cH chị số tiền là 200.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 06/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định 10%/năm. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, người đại diện theo ủy quyền của anh H là anh T cho rằng giao dịch giữa chị H và anh H không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên chị H pH thông báo cho anh H thời gian hợp lý trước khi đòi tiền. Đến thời điểm tháng 5/2021 chị H không có bất kỳ văn bản thông báo nào về việc yêu cầu anh H trả nợ, nên chị H chưa đủ điều kiện để khởi kiện theo quy định của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa anh T vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H và anh xác định chữ ký “H, Nguyễn Ngọc H” trong mục người vay tiền ký là chữ viết, chữ ký của anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào chứng cứ là giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/9/2019 có chữ viết và chữ ký của anh Nguyễn Ngọc H là phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị H là người cho vay và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của anh H. Chị H xác định số tiền cho vay là tiền chung của vợ cH chị, tuy trong giấy biên nhận hợp đồng vay tài sản chỉ có chữ ký của anh H, không có chữ ký của chị Đinh Thị H vợ anh H nhưng anh H vay tiền với mục đích kinh doanh ô tô và phát triển kinh tế gia đình nên cần buộc cả anh H, chị H pH có trách nhiệm trả nợ cho chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy được lời khai về quá trình vay trả nợ của bị đơn, bị đơn không trình bày ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H, không cung cấp được các tài liệu liên quan đến việc thể hiện không vay số tiền trên và đã trả đủ số tiền gốc, lãi cho chị H. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của anh H là anh T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H và không cung cấp được tài liệu chứng cứ liên quan đến việc vay trả nợ của anh H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H và buộc anh H, chị Đinh Thị H pH trả cho chị H, anh T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

* Về lãi suất chị H yêu cầu anh H trả lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 06/12/2019 thì thấy: Tại kết luận giám định chữ viết khẳng định là chữ viết chị H viết vào giấy biên nhận nợ, chị H cũng thừa nhận nội dung này. Tại giấy biên nhận hợp đồng vay tài sản ký kết giữa anh H và chị H, giữa 2 bên không thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn trả lãi. Tuy nhiên, việc anh H không trả nợ thì chị H có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định theo pháp luật nhưng pH báo trước cho anh H một khoảng thời gian nhất định. Căn cứ vào ngày Tòa án thông báo thụ lý vụ án, gửi thông báo thụ lý cho bị đơn được biết về yêu cầu khởi kiện được xác định là thời điểm nguyên đơn báo cho bị đơn về việc có yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi theo giấy biên nhận vay tiền. Do vậy, lãi suất khoản vay được tính từ ngày 06/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/10/2021 là 10%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Thời điểm từ ngày 06/12/2019 đến ngày 25/10/2021 tiền lãi là 01 năm 10 tháng 19 ngày. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

$01 \text{ năm} \times 200.000.000 \text{ đồng} \times 10\% + 10 \text{ tháng} \times 200.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% + 19 \text{ ngày} \times 200.000.000 \text{ đồng} \times 0.027\% = 20.000.000 \text{ đồng} + 16.600.000 \text{ đồng} + 1.026.000 \text{ đồng} = 37.626.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi mà anh H, chị Đinh Thị H pH trả cho chị H, anh T là: 37.626.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà anh Nguyễn Ngọc H, chị Đinh Thị H pH trả cho chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn T cả tiền gốc và tiền lãi là 237.626.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 37.626.000 đồng.

* Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ- BPKCTT ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên: Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giữ nguyên Quyết định nêu trên cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật và xử lý số tiền đảm bảo mà chị Trần Thị H đã nộp theo quy định là chị Trần Thị H được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng đã nộp bảo đảm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Tân Yên vào ngày 28/11/2019 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa do các đương sự không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H được chấp nhận nên anh H, chị Đinh Thị H pH chịu toàn bộ tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên anh H, chị Đinh Thị H pH có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $237.626.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.881.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện của chị H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị H không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 161; Điều 162; điểm b, đ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Buộc anh Nguyễn Ngọc H, chị Đinh Thị H pH có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn T tổng số tiền là 237.626.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai sáu nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 37.626.000 đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm hai sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Về chi phí giám định:

Anh Nguyễn Ngọc H, chị Đinh Thị H pH chịu số tiền 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định. Xác nhận anh Nguyễn Ngọc H (do anh Nguyễn Huy T nộp thay) đã nộp đủ số tiền chi phí giám định.

[3] Án phí:

Anh Nguyễn Ngọc H và chị Đinh Thị H pH chịu 11.881.000 đồng (Mười một triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Trần Thị H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006085 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

[4] Về áp dụng khẩn cấp tạm thời:

Tiếp tục giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ- BPKCTT ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên cho đến khi Bản án có hiệu lực pháp luật và chị Trần Thị H được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đã nộp bảo đảm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Tân Yên ngày 28/11/2019 khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

